

Kính gửi: Các ngân hàng thương mại

Qua hơn 20 ngày thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất, theo ý kiến phản ánh của các ngân hàng thương mại và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dự thảo văn bản hướng dẫn một số điểm cụ thể về tổ chức thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất.

Đề nghị các ngân hàng thương mại cho ý kiến đối với nội dung dự thảo văn bản nêu trên và gửi gấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trước 9h ngày 27/02/2009 để tổng hợp trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký ban hành. Ý kiến của các ngân hàng thương mại gửi về theo địa chỉ: *Vụ Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 49 Lý Thái Tổ - Hà Nội, fax: (04).38246953, điện thoại: (04).38246955, email: phongcstd@sbv.gov.vn.*

Kính mong sự hợp tác của quý ngân hàng.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: VP, Vụ CSTT.

TL. THỐNG ĐỐC
VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ



Nguyễn Ngọc Bảo

Số: /NHNN-CSTT
V/v hướng dẫn cụ thể một số
điểm về cơ chế hỗ trợ lãi suất

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2009

Kính gửi: - Các ngân hàng thương mại,
- Các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

Từ đầu tháng 02/2009 đến nay, các ngân hàng thương mại đã triển khai kịp thời và thực hiện việc cho vay hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức và cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 02/2009/TT-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Theo ý kiến của một số ngân hàng thương mại và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điểm cụ thể về tổ chức thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất như sau:

1. Đối với các ngân hàng thương mại:

1.1. Về việc lập giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất khi thực hiện giảm trừ số lãi tiền vay hỗ trợ lãi suất cho khách hàng:

- Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất có những nội dung theo hợp đồng tín dụng đã được ký kết: Số hợp đồng tín dụng và thời điểm ký kết; tên và địa chỉ của khách hàng vay, ngân hàng thương mại nơi cho vay; số tài khoản của khách hàng vay; mục đích sử dụng vốn vay; kỳ hạn tính thu lãi cho vay (khoảng thời gian tính thu lãi); thời hạn cho vay và thời hạn được hỗ trợ lãi suất; lãi suất cho vay; dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất; số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng; số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay (ghi bằng số và bằng chữ); ký tên và đóng dấu của khách hàng vay, ngân hàng thương mại (ký tên đối với khách hàng vay là cá nhân, hộ gia đình).

- Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất là chứng từ để kiểm tra, giám sát và lập Báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất tiền vay theo mẫu số 03, 04 Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2009/TT-NHNN; giấy xác nhận được lập thành 02 bản, 01 bản lưu giữ vào hồ sơ tín dụng, 01 bản gửi cho khách hàng vay.

- Lập giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất đối với từng lần thu lãi cho vay và thực hiện giảm trừ số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất hoặc lập theo định kỳ hàng tháng phù hợp với thời hạn gửi báo cáo hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.2. Phản ánh kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi ngân hàng thương mại cho vay để xử lý các vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật về hỗ trợ lãi suất.

1.3. Kiểm soát chặt chẽ các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật; đảm bảo chất lượng tín dụng, tăng trưởng tín dụng phù hợp với khả năng huy động vốn và mục tiêu định hướng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2009; chấp hành đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh và quản lý ngoại hối.

1.4. Trả lời bằng văn bản cho khách hàng đối với trường hợp từ chối cho vay, từ chối hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật, trong đó nêu rõ lý do từ chối. Các văn bản từ chối này được lưu giữ vào hồ sơ tín dụng và gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố 01 bản để xử lý các vấn đề liên quan.

1.5. Chỉ đạo các chi nhánh trực thuộc thực hiện việc kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay đối với các khoản vay được hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Thông tư số 02/2009/TT-NHNN và khoản 5 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

1.6. Chỉ đạo các chi nhánh trực thuộc tăng cường kiểm toán nội bộ đối với các khoản vay được hỗ trợ lãi suất; nếu phát hiện có dấu hiệu lợi dụng cơ chế hỗ trợ lãi suất để trục lợi, thì ngừng cho vay và hỗ trợ lãi suất, đồng thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố để thực hiện việc kiểm tra, giám sát.

1.7. Thực hiện việc tuyên truyền cơ chế hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của pháp luật; tránh hiện tượng tuyên truyền, quảng bá gây nên tình trạng cạnh tranh thiếu lành mạnh, ảnh hưởng đến sự ổn định của thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

1.8. Theo dõi hàng ngày số dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất và số lãi tiền vay hỗ trợ lãi suất, cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi có yêu cầu.

1.9. Xử lý một số trường hợp về hỗ trợ lãi suất phù hợp với quy định tại Quyết định số 131/QĐ-TTg và Thông tư số 02/2009/TT-NHNN:

a) Các khoản cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất phù hợp với quy định tại Quyết định số 131/QĐ-TTg và khoản 3, Điều 1 Thông tư số 02/2009/TT-NHNN:

- Các khoản cho vay theo phương thức cho vay lưu vụ của ngân hàng thương mại đối với hộ gia đình, cá nhân ở vùng chuyên canh trồng lúa và ở các vùng xen canh trồng lúa với các cây trồng ngắn hạn khác mà khoản vay đó sử dụng để chi phí sản xuất cho mùa vụ trong năm 2009.

- Các khoản cho vay theo cơ chế tín dụng thông thường bằng nguồn vốn được tài trợ, uỷ thác của các tổ chức quốc tế mà ngân hàng thương mại có tham gia theo cấu phần của dự án uỷ thác, tài trợ.

- Các khoản cho vay được bảo lãnh theo Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của ngân hàng thương mại.

- Các khoản cho vay phát sinh trong ngày 01 và ngày 02 tháng 02 năm 2009, trước ngày Thông tư số 02/2009/TT-NHNN có hiệu lực thực hiện.

- Các khoản cho vay thuộc lĩnh vực xã hội hoá theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008, thì thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với các khoản cho vay này theo Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các khoản cho vay được ngân hàng thương mại điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.

b) Các khoản cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam không thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất phù hợp với quy định tại Quyết định số 131/QĐ-TTg và khoản 4, Điều 1 Thông tư số 02/2009/TT-NHNN:

- Các khoản cho vay để thanh toán tiền uỷ thác nhập khẩu và mua bán, kinh doanh ở trong nước các mặt hàng tiêu dùng được nhập khẩu theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 1 Thông tư số 02/2009/TT-NHNN.

- Các khoản cho vay để thanh toán các loại tiền thuế (thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế lợi tức doanh nghiệp...).

- Các khoản cho vay để chế tác, mua bán, kinh doanh vàng, bạc, đá quý.

- Các khoản cho vay đối với các chủ đầu tư tự thi công các dự án để hình thành tài sản cố định; các khoản cho vay đối với chủ đầu tư để dự trữ vật tư, thanh toán cho bên thi công mà theo hợp đồng kinh tế được ký kết chủ đầu tư không có trách nhiệm thực hiện các chi phí xây lắp đó.

- Các khoản cho vay để nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ theo phương thức tạm nhập tái xuất.

c) Xử lý các trường hợp khác:

- Các khoản cấp tín dụng bằng đồng Việt Nam theo các hình thức không phải là cho vay như bao thanh toán, cho thuê tài chính, chiết khấu giấy tờ có giá, cho vay bắt buộc theo cơ chế bảo lãnh, thì không thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất.

- Trường hợp khách hàng có nhu cầu vay vốn ngắn hạn bằng đồng Việt Nam được cầm cố bằng giấy tờ có giá (đồng Việt Nam, ngoại tệ), sổ tiết kiệm và các hình thức bằng tiền khác: Các ngân hàng thương mại thực hiện nghiệp vụ chiết khấu để khách hàng có vốn hoạt động sản xuất, kinh doanh mà theo đó số tiền chiết khấu này không được thực hiện hỗ trợ lãi suất; hoặc, yêu cầu khách hàng tính toàn bộ giá trị của tài sản cầm cố này là vốn tự có ghi trong phương án sản xuất, kinh doanh, các ngân hàng thương mại chỉ cho vay và thực hiện hỗ trợ lãi

suất đối với số tiền vay bằng chênh lệch giữa nhu cầu vốn vay để sản xuất, kinh doanh và vốn tự có của khách hàng (bao gồm cả giá trị của tài sản cầm cố).

- Việc giảm trừ số lãi tiền vay hỗ trợ lãi suất được thực hiện đồng thời với việc thu lãi tiền vay của ngân hàng thương mại. Trường hợp đến kỳ hạn thu lãi tiền vay mà khách hàng chưa có khả năng trả nợ lãi, thì chưa thực hiện việc giảm trừ số lãi tiền vay hỗ trợ lãi suất.

2. Đối với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố:

a) Thực hiện kịp thời các nhiệm vụ được giao tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2009/TT-NHNN.

b) Chủ động tiếp nhận và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến cơ chế hỗ trợ lãi suất theo phản ánh, khiếu nại của ngân hàng thương mại và khách hàng vay trên địa bàn tỉnh, thành phố phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Định kỳ vào ngày 05 hàng tháng, gửi báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ) về tình hình thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất trên địa bàn tỉnh, thành phố của tháng trước, bao gồm: Biểu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2009/TT-NHNN; tình hình thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất và đề xuất biện pháp xử lý các vấn đề phát sinh./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng và
PTT Nguyễn Sinh Hùng (để báo cáo);
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Các Vụ: Tín dụng, Tài chính - Kế toán,
Các ngân hàng, Pháp chế, Sở Giao dịch,
Thanh tra NHNN;
- Lưu: VP, Vụ CSTT.

THỐNG ĐỐC

09605417